

Bản án số: **918/2020/KDTM-PT**

Ngày: 23/9/2020

V/v “Tranh chấp đòi tiền lãi
chậm thực hiện nghĩa vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Công Toại;**

Các Thẩm phán: **Ông Lê Thọ Viên;**

Bà Lưu Thị Đoàn Trang.

Thư ký phiên tòa: **Bà Lương Thị Thu Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: **Bà Nguyễn
Thị Mai Hương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố
Hồ Chí Minh, số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ
Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2020/TLPT-
KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp đòi tiền lãi chậm thực
hiện nghĩa vụ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/KDTM-ST ngày 26/5/2020 của Tòa
án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4599/2020/QĐ-PT ngày 31/8/2020
và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 10014/2020/QĐ-PT ngày 15/9/2020,
giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ HK;

Địa chỉ: Phường 1, Quận Đ

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Hồng P; CMND số 023061191
do Công an TP.HCM cấp ngày 13/12/2007. Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Phường 7, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nghị -
Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Thẻ Luật sư số 6305/LS
do Liên Đoàn Luật sư Việt Nam cấp ngày 25/7/2011.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thực phẩm DL

Địa chỉ: Lô 42 Đường số 2, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đặng T; CMND số 023826439 do Công an TP.HCM cấp ngày 17/12/2013;

Địa chỉ: Số 7, Phường 14, Quận K, TPHCM;

Địa chỉ liên hệ: 411/47, Phường 11, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Hợp đồng ủy quyền ngày 21/09/2020)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH TM XNK HL

Địa chỉ: huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Phi – Giám đốc.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa. Riêng đại diện Công ty HL có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

- Đại diện nguyên đơn trình bày:

Căn cứ Bản án phúc thẩm số 117/2017/KDTM-PT ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt Bản án phúc thẩm 117/2017/KDTM-PT), Quyết định giám đốc thẩm số 05/2018/KDTM-GĐT ngày 08/02/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Văn bản số 1610/CV-CCTHADS ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền lãi của 06 lô hàng là cua lột, ghẹ cắt và cá lười trâu như sau:

Giai đoạn 1: Tiền lãi tính từ ngày phát sinh lãi suất do chậm thanh toán (sau 10 ngày giao hàng) đến ngày 08/8/2017, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 13,5 %/năm, chi tiết gồm:

1/. Về lô hàng ngày 09/11/2013: Lô ghẹ cắt (Văn bản số 01/CVXN/2015)

- Nguyên đơn giao hàng Bị đơn ngày 09/11/2013 có Văn bản xác nhận số 01/CVXN/2015 ngày 22/10/2015 của Công ty HL.

- Nguyên đơn và Bị đơn ký Hợp đồng kinh tế số 15DL-HK/2013 ngày 15/11/2013 có điều khoản thanh toán trong vòng 10 ngày sau khi nhận hàng.

- Công ty Diệp Long đã thanh toán cho Nguyên đơn nhiều đợt: ngày 22/8/2013 Công ty Diệp Long ứng trước cho Công ty Hùng Kiệt; ngày 30/12/2013 Công ty Diệp Long thanh toán 700.000.000 đồng; ngày 08/01/2014 thanh toán 1.000.000.000 đồng; ngày 09/01/2014 thanh toán 188.021.000 đồng.

- Số tiền chậm trả: 69.206.400 đồng

- Số ngày chậm trả 1357 ngày (tính từ ngày 20/11/2013 đến ngày 08/8/2017)

- Lãi suất nợ quá hạn trung bình: 13.5%/năm

- Số tiền lãi: $69.206.400 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 1357 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 34.734.977 \text{ đồng}$)

2/.Về lô hàng ngày 27/12/2014: Lô cá lười trâu (Văn bản số 02/CVXN/2015)

- Nguyên đơn giao hàng Công ty Diệp Long ngày 27/12/2014 có Văn bản xác nhận số 02/CVXN/2015 ngày 22/10/2015 của Công ty Hoàng Lai.

- Số tiền chậm trả: 356.482.560 đồng.

- Số ngày chậm trả 943 ngày (tính từ ngày 07/01/2015 đến ngày 08/8/2017)

- Lãi suất nợ quá hạn trung bình 13.5%/năm.

- Số tiền lãi $356.482.560 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 944 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 124.466.130 \text{ đồng}$)

3/.Về lô hàng ngày 27/11/2013: Lô cua lột (Văn bản xác nhận số 05/CVXN/2015)

- Nguyên đơn giao hàng Công ty Diệp Long ngày 27/11/2013 có Văn bản xác nhận số 05/CVXN/2015 ngày 11/11/2015 của Công ty Hoàng Lai.

- Nguyên đơn và Công ty Diệp Long ký Hợp đồng kinh tế số 15DL-HK/2013 ngày 15/11/2013 có điều khoản thanh toán trong vòng 10 ngày sau khi nhận hàng.

- Công ty Diệp Long đã thanh toán cho Nguyên đơn nhiều đợt: ngày 05/12/2013; ngày 08/01/2014; ngày 09/01/2014.

- Số tiền chậm trả: 442.830.000 đồng.

- Số ngày chậm trả 1339 ngày (tính từ ngày 08/12/2013 đến ngày 08/8/2017)

- Lãi suất nợ quá hạn trung bình 13.5%/năm

- Số tiền lãi $442.830.000 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 1339 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 219.310.041 \text{ đồng}$.

4/.Về lô hàng ngày 09/7/2014: Lô cua lột nguyên con (văn bản xác nhận số 07/CVXN/2015)

- Nguyên đơn giao hàng Công ty Diệp Long ngày 09/7/2014 có Văn bản xác nhận số 07/CVXN/2015 ngày 11/11/2015 của Công ty Hoàng Lai.

- Nguyên đơn và Công ty Diệp Long ký Hợp đồng kinh tế số 11DL-HK/2014 ngày 15/8/2014 có điều khoản thanh toán trong vòng 10 ngày sau khi nhận hàng.

- Công ty Diệp Long đã thanh toán cho Nguyên đơn nhiều đợt vào các ngày 26/8/2014; ngày 06/9/2014; ngày 29/9/2014.

- Số tiền chậm trả: 773.590.440 đồng

- Số ngày chậm trả 1115 ngày (tính từ ngày 20/7/2014 đến ngày 08/8/2017)

- Lãi suất nợ quá hạn 13.5%/năm (365 ngày)

- Số tiền lãi $773.590.440 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 1115 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 319.026.578 \text{ đồng}$

5/.Về lô hàng ngày 15/12/2014: Lô của đông lạnh (Văn bản xác nhận số 02/CVXN/2015 ngày 22/10/2015)

- Nguyên đơn giao hàng Công ty Diệp Long ngày 27/11/2014 có Văn bản xác nhận số 02/CVXN/2015 ngày 22/10/2015 của Công ty Hoàng Lai.

- Nguyên đơn và Công ty Diệp Long ký Hợp đồng kinh tế số 14DL-HK/2014 ngày 15/12/2014 có điều khoản thanh toán trong vòng 10 ngày sau khi nhận hàng.

- Công ty Diệp Long đã thanh toán cho Nguyên đơn nhiều đợt: ngày 15/01/2015; ngày 12/12/2014; ngày 14/01/2015

- Số tiền chậm trả: 51.764.000 đồng

- Số ngày chậm trả 944 ngày (tính từ ngày 07/01/2015 đến ngày 08/8/2017)

- Lãi suất nợ quá hạn 13.5%/năm

- Số tiền lãi $51.764.000 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 944 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 18.073.436 \text{ đồng}$.

6/.Về lô hàng ngày 27/01/2015: Lô của lột nguyên con (Văn bản xác nhận số 03/CVXN/2015 ngày 22/10/2015)

- Nguyên đơn giao hàng Công ty Diệp Long ngày 08/02/2015 có Văn bản xác nhận số 03/CVXN/2015 ngày 22/10/2015 của Công ty Hoàng Lai.

- Nguyên đơn và Công ty Diệp Long ký Hợp đồng kinh tế số 01DL-HK/2015 ngày 27/01/2015 có điều khoản thanh toán trong vòng 10 ngày sau khi nhận hàng.

- Công ty Diệp Long đã thanh toán cho Nguyên đơn nhiều đợt: ngày 12/02/2015; ngày 26/01/2015; ngày 09/01/2015.

- Số tiền chậm trả: 30.222.360 đồng

- Số ngày chậm trả 902 ngày (tạm tính từ ngày 18/02/2015 đến ngày 08/8/2017)

- Lãi suất nợ quá hạn 13.5%/năm

- Số tiền lãi $30.222.360 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 902 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 10.082.676 \text{ đồng}$.

Tổng tiền lãi giai đoạn 1 là: **725.693.838 đồng**.

Giai đoạn 2: Tính tiền lãi từ ngày 09/8/2017 đến ngày 15/11/2018 là 463 ngày.

Theo Văn bản số 1610/CV-CCTHADS ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân thì Công ty Diệp Long đã thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 431.858.400 đồng vào ngày 08/8/2017.

Do đó, tiền lãi giai đoạn 2 là: $1.292.237.360 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 463 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = \mathbf{221.291.222 \text{ đồng}}$.

Nguyên đơn yêu cầu Công ty Diệp Long thanh toán số tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ tổng cộng là **946.985.060 đồng**, yêu cầu trả ngay một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Đại diện bị đơn trình bày:

Đối với lô hàng ghẹ cắt ngày 09/11/2013 và lô hàng cua lột ngày 27/11/2013: Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 15DL-HK/2013 ngày 15/11/2013; hóa đơn VAT số 0000137 ngày 05/12/2013; ủy nhiệm chi của Công ty Diệp Long tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ngày 08/01/2014, ngày 09/01/2014; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 16/01/2014 thì Công ty Diệp Long đã thanh toán đủ tiền hàng. Công ty Diệp Long không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Đối với lô hàng cua lột nguyên con ngày 09/7/2014: Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 11DL-HK/2014 ngày 15/8/2014; hóa đơn VAT số 0000167 ngày 26/8/2014; ủy nhiệm chi của Công ty Diệp Long tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ngày 06/9/2014, ngày 27/9/2014 thì Công ty Diệp Long đã thanh toán đủ tiền hàng. Công ty Diệp Long không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Đối với lô hàng cua đông lạnh ngày 15/12/2014, Công ty Diệp Long tự nguyện thanh toán cho Nguyên đơn số tiền còn nợ là 51.764.000 đồng.

Đối với các lô hàng ngày 27/12/2014, ngày 27/01/2015 thì Công ty Diệp Long không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Căn cứ Điều 306 và Điều 319 Luật Thương mại năm 2005 thì các tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn đối với các lô hàng thì trong đó có 03 lô hàng ngày 09/11/2013, 27/11/2013 và lô hàng 09/7/2014 đã hết thời hiệu khởi kiện, cụ thể như sau:

- Lô hàng ghẹ cắt theo Hợp đồng kinh tế số 15DL-HK/2013 ký ngày 15/11/2013 thì thời gian thanh toán tại Điều 3 của Hợp đồng là trong vòng 10 ngày kể từ ngày giao hàng là ngày 05/12/2013, tức là ngày 16/12/2013 nếu chưa thanh toán là vi phạm. Như vậy, đến ngày 26/9/2016, Nguyên đơn khởi kiện là đã quá thời hiệu là 2 năm 9 tháng 10 ngày.

- Lô hàng cua lột theo Hợp đồng kinh tế số 15DL-HK/2013 ký ngày 15/11/2013 thì thời gian thanh toán tại Điều 3 của Hợp đồng là trong vòng 10 ngày kể từ ngày giao hàng là ngày 05/12/2013, tức là ngày 16/12/2013 nếu chưa thanh toán là vi phạm. Như vậy, đến ngày 26/9/2016, Nguyên đơn khởi kiện là đã quá thời hiệu là 2 năm 9 tháng 10 ngày.

- Lô hàng cua lột theo Hợp đồng kinh tế số 11DL-HK/2014 ký ngày 15/8/2014 thì thời gian thanh toán tại Điều 3 của Hợp đồng là trong vòng 10 ngày kể từ ngày giao hàng là ngày 26/8/2014, tức là ngày 05/9/2014 nếu chưa thanh toán là vi phạm. Như vậy, đến ngày 26/9/2016, Nguyên đơn khởi kiện là đã quá thời hiệu là 2 năm 21 ngày.

Ngày 04/4/2017, Công ty Diệp Long đã nộp đơn yêu cầu xem xét thời hiệu khởi kiện đối với 03 lô hàng nêu trên.

Trường hợp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dựa trên nội dung của Bản án phúc thẩm số 117/2017/KDTM-PT ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định giám đốc thẩm số 05/2018/KDTM-GĐT ngày 08/02/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì 03 lô hàng ngày 09/11/2013, 27/11/2013 và lô hàng 09/7/2014 đã hết thời hiệu khởi kiện, cụ thể như sau:

- Theo Quyết định giám đốc thẩm số 05/2018/KDTM-GĐT ngày 08/02/2018 thì lô hàng ghe cắt được giao ngày 09/11/2013, lô hàng này được mua bán theo Hợp đồng số 15/DL-HK/2013 ký ngày 15/11/2013 và thời gian thanh toán tại Điều 3 của hợp đồng là trong vòng 10 ngày kể từ ngày giao hàng, tức ngày thanh toán chậm nhất là ngày 29/11/2013. Vậy, đến ngày 26/9/2016 thì Nguyên đơn khởi kiện là đã quá thời hiệu là 02 năm 09 tháng 28 ngày.

- Theo Quyết định giám đốc thẩm số 05/2018/KDTM-GĐT ngày 08/02/2018 thì lô hàng của lật được giao ngày 27/11/2013, lô hàng này được mua bán theo Hợp đồng số 15/DL-HK/2013 ký ngày 15/11/2013 và thời gian thanh toán tại Điều 3 của hợp đồng là trong vòng 10 ngày kể từ ngày giao hàng, tức ngày thanh toán chậm nhất là ngày 07/12/2013. Vậy, đến ngày 26/9/2016 thì Nguyên đơn khởi kiện là đã quá thời hiệu là 02 năm 09 tháng 18 ngày.

- Theo Quyết định giám đốc thẩm số 05/2018/KDTM-GĐT ngày 08/02/2018 thì lô hàng của lật được giao ngày 09/7/2014, lô hàng này được mua bán theo Hợp đồng số 11/DL-HK/2014 và thời gian thanh toán tại Điều 3 của hợp đồng là trong vòng 10 ngày kể từ ngày giao hàng, tức ngày thanh toán chậm nhất là ngày 19/7/2014. Vậy, đến ngày 26/9/2016 thì Nguyên đơn khởi kiện là đã quá thời hiệu khởi kiện.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Lai có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/KDTM-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân quận T, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH Xuất khẩu Thực phẩm Diệp Long phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền lãi là 946.985.060 đồng (chín trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi đồng). Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Công ty TNHH Xuất khẩu Thực phẩm Diệp Long phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 39.080.164 đồng (ba mươi chín triệu không trăm lẻ tám nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng).

Hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.843.750 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006215, ngày 24/12/2015 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

- Ngày 09/6/2020 Công ty Diệp Long nộp đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư: Nghị, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã hết thời hiệu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên, phát biểu có nội dung chính như sau: Nhận thấy Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện được quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn do hết thời hiệu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thừa nhận nội dung trình bày của các đương sự như bản án sơ thẩm là đúng; trong giai đoạn phúc thẩm bị đơn bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ về quá trình ký và thực hiện hợp đồng giữa các bên. Xét, Tòa án nhân dân quận T, thụ lý giải quyết tranh chấp về “đòi tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ”, giữa Nguyên đơn với Bị đơn là đúng trình tự, thủ tục thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo hợp lệ. Xét, Công ty HL có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty HL theo Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán tổng số tiền lãi do chậm thanh toán **946.985.060 đồng**. Chia thành 02 giai đoạn.

Giai đoạn 1: Tổng số tiền lãi **725.693.838 đồng**, được nguyên đơn tính theo từng lô hàng như sau:

1/- Lô hàng ghẹ cắt ngày 09/11/2013;

+ Số tiền chậm trả làm căn cứ để tính lãi: 69.206.400 đồng;

+ Số tiền lãi phải trả do chậm thanh toán: 34.734.977 đồng.

2/- Lô hàng cá lười trâu ngày 27/12/2014;

+ Số tiền chậm trả làm căn cứ để tính lãi: 356.482.560 đồng;

+ Số tiền lãi phải trả do chậm thanh toán: 124.466.130 đồng.

3/- Lô hàng cua lột ngày 27/11/2013;

+ Số tiền chậm trả làm căn cứ để tính lãi: 442.830.000 đồng;

+ Số tiền lãi phải trả do chậm thanh toán: 219.310.041 đồng.

4/- Lô hàng cua lột nguyên con ngày 09/7/2014;

+ Số tiền chậm trả làm căn cứ để tính lãi: 773.590.440 đồng;

+ Số tiền lãi phải trả do chậm thanh toán: 319.026.578 đồng.

5/- Lô hàng cua đông lạnh ngày 15/12/2014;

+ Số tiền chậm trả làm căn cứ để tính lãi: 51.764.000 đồng;

+ Số tiền lãi phải trả do chậm thanh toán: 18.073.436 đồng.

6/- Lô hàng cua lột nguyên con ngày 27/01/2015;

+ Số tiền chậm trả làm căn cứ để tính lãi: 30.222.360 đồng;

+ Số tiền lãi phải trả do chậm thanh toán: 10.082.676 đồng.

Giai đoạn 2: Tổng số tiền lãi **221.291.222 đồng**, được nguyên đơn tính theo cách như sau:

+ Số tiền bị đơn phải trả theo Bản án dân sự phúc thẩm số 117/2017/KDTM-PT là 1.724.095.760 đồng.

+ Số tiền bị đơn thanh toán cho nguyên đơn vào ngày 08/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T là 431.858.400 đồng.

+ Số tiền chậm trả làm căn cứ để tính lãi (1.724.095.760 đồng - 431.858.400 đồng) là 1.292.237.360 đồng.

+ Số tiền lãi phải trả do chậm thanh toán:

$1.292.237.360 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 463 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 221.291.222 \text{ đồng}.$

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Giai đoạn 1: Trong 06 lô hàng nguyên đơn yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán, có 3 lô hàng là lô số 1, lô số 3 và lô số 4 đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật Thương mại 2005 và Khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Cụ thể:

1/- Lô hàng ghẹ cắt ngày 09/11/2013:

+ Số tiền chậm trả làm căn cứ để tính lãi: 69.206.400 đồng

+ Số tiền lãi phải trả do chậm thanh toán: 34.734.977 đồng

+ Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì lô hàng ghẹ cắt được giao ngày 09/11/2013, lô hàng này được mua bán theo Hợp đồng số 15DL-HK/2013 ký ngày 15/11/2013 và thời hạn thanh toán tại Điều 3 của Hợp đồng là trong vòng 10 ngày kể từ ngày giao hàng, tức ngày thanh toán chậm nhất là ngày 19/11/2013, sau ngày này tức ngày 20/11/2013 là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 26/9/2016 nguyên đơn khởi kiện là đã *quá thời hiệu là 02 năm 10 tháng 7 ngày*.

3/- Lô hàng của lô ngày 27/11/2013:

+ Số tiền chậm trả làm căn cứ để tính lãi: 442.830.000 đồng

+ Số tiền lãi phải trả do chậm thanh toán: 219.310.041 đồng

+ Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì lô của lô được giao ngày 27/11/2013, lô hàng này được mua bán theo Hợp đồng số 15DL-HK/2013 ký ngày 15/11/2013 và thời hạn thanh toán tại Điều 3 của Hợp đồng là trong vòng 10 ngày kể từ ngày giao hàng, tức ngày thanh toán chậm nhất là ngày 07/12/2013, sau ngày này tức ngày 08/12/2013 là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 26/9/2016 nguyên đơn khởi kiện là đã *quá thời hiệu là 02 năm 9 tháng 18 ngày*.

4/- Lô hàng của lô nguyên con ngày 09/7/2014:

+ Số tiền chậm trả làm căn cứ để tính lãi: 773.590.440 đồng

+ Số tiền lãi phải trả do chậm thanh toán: 319.026.578 đồng

+ Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì lô hàng của lô được giao ngày 09/7/2014, lô hàng này được mua bán theo Hợp đồng số 11DL-HK/2014 ký ngày 15/8/2014 và thời hạn thanh toán tại Điều 3 của Hợp đồng là trong vòng 10 ngày kể từ ngày giao hàng, tức ngày thanh toán chậm nhất là ngày 19/7/2014. Đến ngày 26/9/2016 nguyên đơn khởi kiện là đã *quá thời hiệu là 02 năm 02 tháng 06 ngày*.

Vì vậy, có căn cứ đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do hết thời hiệu khởi kiện và hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn tương ứng với số tiền do yêu cầu hết thời hiệu.

Tổng số tiền lãi chậm trả của 03 lô hàng hết thời hiệu khởi kiện nêu trên là 573.071.596 đồng. Như vậy, tiền lãi do chậm thanh toán ở giai đoạn 1 có căn cứ chấp nhận (725.693.838 đồng – 573.071.596 đồng) là **152.622.242 đồng**.

Giai đoạn 2: Xét thấy, nguyên đơn căn cứ vào Văn bản số 1610/CV-CCTHADS ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, trong việc thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 117/2017/KDTM-PT với tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn 1.724.095.760 đồng; trừ số tiền đã thi hành án 431.858.400 đồng; số tiền còn lại 1.285.626.840 đồng làm căn cứ tính lãi cho giai đoạn 2: $(1.285.626.840 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 463 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày}) = \mathbf{221.291.222 \text{ đồng}}$ là không có căn cứ để chấp nhận. Vì số tiền này là do bị đơn không thực hiện trong giai đoạn thi hành án; có chế định giải quyết riêng; không phải là số tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong giao dịch dân sự nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu này.

Do sửa bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; Hội đồng xét xử xác định lại nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm của các đương sự quy định tại Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; theo nguyên tắc: nguyên đơn chịu án phí trên số tiền do yêu cầu không được chấp nhận (221.291.222 đồng); bị đơn phải chịu án phí trên số tiền do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận (153.754.270 đồng). Sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng án phí với số tiền phải chịu án phí, nguyên đơn được nhận lại số tiền còn thừa và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí bổ sung theo Biên lai thu số AA/2018/0029966 ngày 16/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (quyết định sơ thẩm bỏ sót).

Xét, việc sửa một phần bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi vì trong giai đoạn phúc thẩm đương sự nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ giải trình thêm về việc ký kết và quá trình thực hiện hợp đồng nên được xem là có tình tiết mới tại cấp phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308; Khoản 2 Điều 148; Điều 313; Khoản 2 Điều 184; Điểm d Khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 319; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/KDTM-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

Xử:

1/. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do hết thời hiệu khởi kiện.

2/. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền lãi do chậm thanh toán **153.754.270** (Một trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi bốn ngàn, hai trăm bảy mươi) đồng; ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền **221.291.222** (Hai trăm hai mươi một triệu, hai trăm chín mươi một ngàn, hai trăm hai mươi hai) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/. Án phí sơ thẩm:

4.1/. Bị đơn phải chịu **7.687.714** (Bảy triệu, sáu trăm tám mươi bảy ngàn, bảy trăm mười bốn) đồng; nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4.2/. Nguyên đơn phải chịu **11.064.561** (Mười một triệu, không trăm sáu mươi bốn ngàn, năm trăm sáu mươi một) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.961.021 (Mười hai triệu, chín trăm sáu mươi một ngàn, không trăm hai mươi một) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001176 ngày 20/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Như vậy, Nguyên đơn được nhận lại số tiền còn thừa **1.896.460** (Một triệu, tám trăm chín mươi sáu ngàn, bốn trăm sáu mươi) đồng, và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí bổ sung **8.175.742** (Tám triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn, bảy trăm bốn mươi hai) đồng, theo Biên lai thu số AA/2018/0029966 ngày 16/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/. Án phí phúc thẩm:

Các đương sự không phải chịu. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 (Hai triệu) đồng, cho Bị đơn theo Biên lai thu số AA/2019/0061473 ngày 09/7/2020 (số tiền 1.700.000 đồng) và Biên lai thu số AA/2019/0061222 ngày 09/6/2020 (số tiền 300.000 đồng), cả hai biên lai này của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Toại

